TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2020/HC-PT
Ngày 13- 7- 2020
V/v "Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 715/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2018 về việc: "Khiếu kiện Quyết định hành chính giải quyết khiếu nại về đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 51/2018/HC-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2020/QĐPT-HC ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn C, sinh năm 1935 (vắng mặt)

Địa chỉ: 63/3 tổ 3, ấp Bình H, xã Bình C1, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1945 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 3, ấp 5, xã Hòa B, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Xuyên M.

Địa chỉ: 151 quốc lộ 55, khu phố Phước Lộc, thị trấn Phước B, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Trang Đ1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Xuyên M. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Văn L – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Xuyên M. (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Thanh T – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Xuyên M. (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân huyện Xuyên M. (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 151 quốc lộ 55, khu phố Phước L1, thị trấn Phước B, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Văn L – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Xuyên M (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Thanh T – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Xuyên M (có mặt).

Người làm chứng: UBND xã Bình C1, huyện Xuyên M. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Láng G, xã Bình C1, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

4. Người kháng cáo: ông Lê Văn C là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình tham gia tố tụng tại tòa, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1989 ông Lê Văn C khai phá diện tích đất 1.276 m^2, quá trình khai phá sử dụng không kê khai đăng ký, không có giấy tờ gì về đất đai, sử dụng để đào ao nuôi cá diện tích khoảng 500m^2 và trồng cây ăn quả. Diện tích khai phá này được thể hiện trong 02 Biên bản kiểm kê ngày 21/02/1995 và 22/7/1995.

Ngoài diện tích đất khai phá này, ông C có phần đất khác do nhận chuyển nhượng của ông Lê Xuân L2, việc chuyển nhượng năm 1988 có giấy viết tay, có xác nhận của xã năm 1995.

Trong Biên bản kiểm kê ngày 21/02/1995 thể hiện: diện tích sử dụng 630 m^2, nguồn gốc đất là tự khai phá năm 1986. Trong biên bản kiểm kê ngày 22/7/1995 thể hiện: diện tích sử dụng là 646m^2, nguồn gốc đất là sang nhượng năm 1988. Đối với nguồn gốc đất ghi trong 02 biên bản kiểm kê này là do cán bộ kiểm kê tự ghi và không hỏi ý kiến chủ hộ là ông C. Thực tế cả hai phần đất được kiểm kê này đều do ông C khai phá năm 1989, không liên quan đến diện tích đất ông C nhận chuyển nhượng năm 1988.

Năm 1995 nhà nước thu hồi phần đất ông C khai phá để thực hiện dự án 773 để làm kè đá Bến Lội Bình C1, tuy nhiên khi thu hồi không ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường về đất và tài sản, vật kiến trúc trên đất.

Vị trí đất khai phá 1.276 m^2 nay gồm các thửa đứng tên các con ông C đã được cấp giấy chứng nhận năm 2010 là: thửa 1619 /134,3m^2 đứng tên Lê Văn Sinh; thửa 1620/ 99m^2 và thửa 1623/262,3m^2 đứng tên Lê Thanh H; thửa 1625 /128,7m^2 đứng tên Lê Văn T1; còn thửa 1616 /124,4m^2 đứng tên ông Đinh Võ (con là Đinh Thanh C1) do chiếm dụng của ông C (hiện đang tranh chấp), diện tích còn lại làm đường nhựa nông thôn hiện nay là 527,3m^2. Sau khi nhà nước lấy đất làm đường, ông C không khiếu nại gì. Sau này ông C mới khiếu nại và

nhà nước đã có Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 với nội dung bác đơn khiếu nại của ông C.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện Xuyên M về việc giải quyết khiếu nại.

Buộc UBND huyện Xuyên M bồi thường phần diện tích đất lấy làm đường nhựa nông thôn hiện nay là 527,3m^2 (trong diện tích đất khai phá 1.276m^2), bồi thường ao nuôi cá 500m^2 và toàn bộ cây ăn trái trên diện tích 1.276m^2 thể hiện trên 02 biên bản kiểm kê ngày 21/02/1995 và 22/7/1995.

Theo Văn bản nêu ý kiến cũng như trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đồng nhất trình bày:

Ngày 17/5/2017, UBND huyện Xuyên M ban hành Quyết định số 1198/QĐ-UBND giao thanh tra huyện xác minh đơn khiếu nại của ông Lê Văn C, nội dung khiếu nại như sau: năm 1995 Ban quản lý dự án 773, xã Bình C1 lấy diện tích 1.276m^2 của gia đình ông để thực hiện dự án nhưng không bồi thường, hỗ trợ. Ngày 23/5/2017, Thanh tra Huyện đã chủ trì, phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Bình C1 tiến hành xác minh thực địa để xác định ranh giới khu đất mà hộ ông Lê Văn C khiếu nại. Ngày 29/5/2017, các cơ quan tiến hành khoanh định khu đất mà hộ ông Lê Văn C chỉ ranh trên bản đồ địa chính xã Bình C1. Kết quả cho thấy: Dự án 773 có chủ trương, sau đó không thực hiện và đã xem xét cấp giấy cho người đang sử dụng đất. Trong đó, đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB420151 ngày 02/12/2010 cho ông C đối với thửa đất số 1609, tờ bản đồ số 35, xã Bình C1, huyện Xuyên M, diện tích 1.262,3m^2, diện tích này được xác định là khu đất mới thuộc dự án 773, nguồn gốc đất là do ông C nhận chuyển nhượng. Ngoài ra UBND huyện Xuyên M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các người con của ông Lê Văn C với diện tích 624,3m^2 như sau:

+ Diện tích 128,7m^2 đất thuộc thửa số 1625, tờ bản đồ số 35 cấp cho ông Lê Văn T1;

+ Diện tích 262,3m^2 đất thuộc thửa số 1623, tờ bản đồ số 35 cấp cho ông Lê Thanh H;

+ Diện tích 99m^2 đất thuộc thửa số 1620, tờ bản đồ số 35 cấp cho ông Lê Văn H;

+ Diện tích 134,3m^2 đất thuộc thửa số 1619, tờ bản đồ số 35 cấp cho ông Lê Văn S;

Ông C có cung cấp 02 Biên bản kiểm kê năm 1995 do Ban quản lý dự án 773 xã Bình C1 lập , nhưng cũng không có cơ sở chứng minh là Ban quản lý dự án 773 hay Nhà nước lấy đất làm dự án. Vì trong Biên bản kiểm kê ngày 21/02/1995 thể hiện: diện tích sử dụng 630 m^2, nguồn gốc đất là tự khai phá năm 1986. Trong biên bản kiểm kê ngày 22/7/1995 thể hiện: diện tích sử dụng là 646m^2, nguồn gốc đất là sang nhượng năm 1988. Đối với diện tích sử dụng 630 m^2 có nguồn gốc đất là tự khai phá năm 1986 này, thì UBND huyện Xuyên M đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các người con của ông Lê Văn C với diện tích 624,3m^2 như đã nêu trên.

Do đó, việc ông Lê Văn C khiếu nại về việc Ban quản lý dự án 773 lấy của gia đình ông 1.276m^2 đất để thực hiện dự án là không có cơ sở.

Chủ tịch UBND huyện Xuyên M ban hành Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 là hoàn toàn đúng với quy định pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 51/2018/HC-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C về việc hủy Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện Xuyên M về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và buộc UBND huyện Xuyên M bồi thường diện tích đất 527,3m^2; bồi thường ao nuôi cá 500m^2 và toàn bộ cây ăn trái trên diện tích 1.276m^2 thể hiện trên 02 Biên bản kiểm kê ngày 21/02/1995 và 22/7/1995.

2. Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 22/10/2018, ông Lê Văn C là người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Văn C là ông Nguyễn Đức Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 51/2018/HC-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo hướng hủy toàn bộ nội dung vụ án; hủy Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện Xuyên M và buộc UBND huyện Xuyên M bồi thường diện tích đất 527,3m^2, bồi thường ao nuôi cá 500m^2 và toàn bộ cây ăn trái trên diện tích 1.276m^2 thể hiện trên 02 Biên bản kiểm kê ngày 21/02/1995 và 22/7/1995. Với lý do: Bác đơn khởi kiện của ông Lê Văn C là sai sự thật vì có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện Xuyên M giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn C với nội dung bác khiếu nại đối với việc năm 1995, Ban Quản lý Dự án 773 xã Bình C1 lấy diện tích 1.276m^2 đất của gia đình ông để thực hiện Dự án nhưng không bồi thường, hỗ trợ là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2018/HCST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của ông Lê Văn C, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

- *Về đối tượng khởi kiện:* Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện Xuyên M giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn C đối với việc năm 1995, Ban Quản lý Dự án 773 xã Bình C1 lấy diện tích 1.276m^2 đất của gia đình ông để thực hiện Dự án nhưng không bồi thường, hỗ trợ. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

- *Về thời hiệu khởi kiện*: Ngày 16/10/2017, ông C có đơn khởi kiện đối với các quyết định trên là đúng thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Do đó, việc Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

- *Về thời hạn kháng cáo:* Ngày 22/10/2018, ông Lê Văn C kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số *51/2018/HC-ST* ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện Xuyên M.

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền:

Ông C cho rằng năm 1995, Nhà nước lấy đất của ông để làm Dự án kè đá Bến Lội Bình C1, thể hiện ở 02 Biên bản kiểm kê ngày 21/02/1995 và ngày 22/7/1995, tuy nhiên việc thu hồi này không có quyết định thu hồi và bồi thường về đất, tài sản, vật kiến trúc trên đất. Ông C cũng cho biết suốt từ năm 1995 đến trước năm 2017, ông không có khiếu nại gì về việc trên. Đến năm 2017, ông C mới có đơn khiếu nại là hết thời hiệu giải quyết khiếu nại theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Luật khiếu nại. Lẽ ra, khi nhận được đơn khiếu nại của ông C năm 2017, thì Chủ tịch UBND huyện Xuyên M phải xác định là đã hết thời hiệu khiếu nại để trả lại đơn khiếu nại cho ông C.

Tuy nhiên, việc Chủ tịch UBND huyện Xuyên M vẫn thụ lý và tiến hành xác minh, giải quyết khiếu nại của ông C là đã thể hiện trách nhiệm của chính quyền địa phương và đã đảm bảo quyền lợi cho ông C khi đi khiếu nại.

[2.2] Về nội dung quyết định:

Mặc dù, ông Lê Văn C có cung cấp Biên bản kiểm kê do Ban Quản lý Dự án 773 xã Bình C1 lập nhưng không có cơ sở xác định Ban Quản lý Dự án 773

lấy đất của ông Lê Văn C để thực hiện Dự án. Bởi vì hộ ông Lê Văn C đã được UBND huyện Xuyên M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích 1.262,3m^2 đất ngày 02/12/2010 tại thửa số 1609, tờ bản đồ số 35, xã Bình C1 thuộc đất của Dự án 773. Diện tích đất này cũng tương đương với diện tích 1.276m^2 đất mà hộ ông Lê Văn C có biên bản kiểm kê năm 1995.

Mặt khác, trong diện tích đất mà hộ ông Lê Văn C khiếu nại và chỉ ranh, UBND huyện Xuyên M đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các người con của ông Lê Văn C với diện tích là 624,3m^2, cụ thể:

+ Diện tích 128,7m^2 đất thuộc thửa số 1625, tờ bản đồ số 35 cấp cho ông Lê Văn T1;

+ Diện tích 262,3m^2 đất thuộc thửa số 1623, tờ bản đồ số 35 cấp cho ông Lê Thanh Hiền;

+ Diện tích 99m^2 đất thuộc thửa số 1620, tờ bản đồ số 35 cấp cho ông Lê Văn Hiền;

+ Diện tích 134,3m^2 đất thuộc thửa số 1619, tờ bản đồ số 35 cấp cho ông Lê Văn S.

Ông C còn cho rằng hộ ông C có khai phá khu đất giáp với khu đất nhận chuyển nhượng của ông Lê Xuân L2, năm 1995 Ban quản lý dự án 773 lấy đất khai phá của gia đình ông để thực hiện dự án mà không bồi thường về đất và tài sản trên đất. Thấy rằng, theo *"Giấy sang nhượng"* viết tay lập năm 1988 giữa ông Lê Xuân L2 và ông Lê T1 (con ông C), có xác nhận của UBND xã Bình C1. Đến ngày 09/01/1995, UBND xã Bình C1 tiến hành kiểm tra và đo đạc lại, xác định tứ cận đất chuyển nhượng: Tây giáp đường nông thôn mới (tức không có giáp phần đất ông C khai phá), thì phía hộ ông C cũng không có ý kiến gì. Như vậy, cho thấy thời điểm trước khi tiến hành lập Biên bản kiểm kê ngày 21/02/1995 và 22/7/1995 đối với hộ ông C, thì diện tích đất ông C cho rằng do ông khai phá năm 1989 và yêu cầu bồi thường đã là đường nông thôn mới (nay là đường nhựa nông thôn).

Hơn nữa, từ năm 1995 cho tới năm 2017, ông C cũng không có khiếu nại hay khởi kiện về việc Nhà nước lấy đất của ông C làm dự án, làm đường mà không bồi thường đất và tài sản trên đất cho ông.

Do đó, Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện Xuyên M về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đã bác khiếu nại của ông C là đúng theo quy định của pháp luật.

Vì vậy yêu cầu khởi kiện buộc UBND huyện Xuyên M bồi thường diện tích 527,3m^2 đất, bồi thường ao nuôi cá 500m^2 và toàn bộ cây ăn trái trên diện tích 1.276m^2 thể hiện trên 02 Biên bản kiểm kê ngày 21/02/1995 và 22/7/1995 là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện, ông Lê Văn C không phải chịu do đã trên 60 tuổi theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn C; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C về việc hủy Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện Xuyên M và buộc UBND huyện Xuyên M bồi thường diện tích đất 527,3m^2, bồi thường ao nuôi cá 500m^2 và toàn bộ cây ăn trái trên diện tích 1.276m^2 thể hiện trên 02 Biên bản kiểm kê ngày 21/02/1995 và 22/7/1995.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn C không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao(1);
-VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh(1);
-TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu(1);
-VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu(1);
-Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu(1);
-Người khởi kiện(1);
-Người bị kiện(1);
-Lưu hồ sơ(1),VP(3),13b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh